

Thứ hai, ngày 22 tháng 2 năm 2021

Vietnam Daily Review

Phiên biến động nhẹ

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 23/2/2021		•	
Tuần 22/2-26/2/2021		•	
Tháng 2/2021		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VN-Index tiếp tục kiểm tra lại ngưỡng kháng cự ngắn hạn 1180 điểm. Dòng tiền đầu tư co cụm vào một số ngành nhất định khi chỉ có 9/19 ngành tăng điểm. Thanh khoản giảm nhẹ, biên độ thị trường thu hẹp và độ rộng thị trường tiêu cực cho thấy tâm lý giao dịch thận trọng của nhà đầu tư. Khối ngoại bán ròng trở lại trên sàn HSX và mua ròng trên sàn HNX. VN-Index nhiều khả năng sẽ vận động trong vùng 1160-1200 điểm trong tuần này.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 1190 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 22/02/2021, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch tăng.

Phân tích kỹ thuật: BCG_Tích lũy (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index +1.54 điểm, đóng cửa 1,175.04 điểm. HNX-Index +6.79 điểm, đóng cửa 237.97 điểm.
- Kéo chỉ số tăng: VIC(+2.42), VIC(+0.63), PLX(+0.34), ACB (+0.29), VPB(+0.23)
- Kéo chỉ số giảm: VCB(-0.69), BID(-0.38), GAS(-0.36), SAB(-0.29), VNM(-0.28).
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 13,933 tỷ đồng, -5.5% so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 15,297 tỷ đồng.
- Biên độ dao động là 13.55 điểm, nói rộng so với phiên trước. Thị trường có 199 mã tăng, 72 mã tham chiếu và 231 mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: -613.42 tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm VNM (-178.2 tỷ), HPG (-110.1 tỷ) và SSI (-42.5 tỷ). Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị 11.0 tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long
longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa
khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung
trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Nguyễn Tiến Đức
ducnt@bsc.com.vn

Nhóm Phân tích định lượng- i-Invest

Đỗ Nam Tùng
tungdn@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh
khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX **1175.04**
Giá trị: 13933.42 tỷ 1.54 (0.13%)
Khối ngoại (ròng): -613.42 tỷ

HNX-INDEX **237.97**
Giá trị: 1303.3 tỷ 6.79 (2.94%)
Khối ngoại (ròng): 11 tỷ

UPCOM-INDEX **76.57**
Giá trị: 715.5 tỷ 0.44 (0.58%)
Khối ngoại (ròng): -10.61 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	59.6	0.52%
Giá vàng	1,792	0.45%
Tỷ giá USD/VND	23,025	0.04%
Tỷ giá EUR/VND	27,843	-0.17%
Tỷ giá JPY/VND	21,763	-0.30%
LS liên NH 1 tháng	1.1%	-5.74%
LS TPCP 5 năm	1.1%	0.00%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VHM	38.4	VNM	-178.2
VCB	30.5	HPG	-110.1
BID	10.1	SSI	-42.5
DHC	9.9	VIC	-40.9
FUEVFN	9.4	CTG	-40.2
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường hàng hóa	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Khuyến nghị dài hạn	Trang 8
Báo cáo mới nhất	Trang 9
iBroker	Trang 10
Khuyến cáo sử dụng	Trang 11

Cập nhật giá cả hàng hóa chiều 22/2

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	59.71	0.79%	0.40%	12.00%	14.15%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	63.44	0.84%	0.20%	13.30%	21.37%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USDcent/gallon	180.08	-0.34%	6.40%	16.70%	21.96%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1794.77	0.59%	-1.30%	-4.00%	9.64%		PNJ
Bạc	USD/ounce	27.48	0.68%	-0.50%	5.90%	59.60%		PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	1383.75	0.27%	0.90%	1.20%	51.89%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	658.50	0.46%	2.70%	-1.40%	14.72%		AFX
Sữa	USD /cwt	16.31	0.25%	-1.50%	-8.30%	-3.15%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	259.83	3.37%	8.30%			DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	16.89	1.81%	7.00%	10.80%	17.45%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	129.15	-0.12%	5.00%	-0.10%	12.16%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/ton	8909.50	4.17%	6.90%	10.80%	54.54%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	USD/ton	708.71	0.98%	5.80%	7.20%		HSG, HPG	PC1, CTD
Thép HRC	USD/ton	741.49	1.97%	6.10%	8.40%			
Nhôm	USD/ton	2131.50	-0.28%	2.00%	7.60%	24.39%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	176.32	1.71%	11.70%	10.00%		HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	79.00	1.74%	-6.90%	-6.10%	14.49%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

- Giá dầu**
- Dầu thô Brent tăng 76 US cent tương đương 1.2% lên 61.67 USD/thùng. Dầu thô Tây Texas WTI tăng 74 US cent tương đương 1.3% lên 59.98 USD/thùng. Thời tiết lạnh tại Texas buộc doanh nghiệp cắt giảm 4 triệu thùng/ngày đối với dầu thô.
 - Goldman Sachs dự báo giá dầu thô Brent đạt \$70 USD thùng trong quý II, \$75 USD/thùng trong quý III.

- Giá vàng**
- Vàng giao ngay trên sàn LBMA tăng 0.1% lên 1,783.56 USD/ounce, trong khi vàng kỳ hạn tháng 4/2021 trên sàn New York tăng 0.4% lên 1,784.40 USD/ounce.

	22/2	% 22/2	19/2	% 19/2	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	1175.04	0.13%	1173.50	-0.07%	8.48%	-1.04%
S&P 500			3906.71	-0.19%	-0.25%	2.84%
HĐTL S&P500	3868.00	-0.90%	3903.00	-0.17%	-1.60%	0.60%
Shang- hai	3642.45	-1.45%	3696.17	0.57%	3.11%	2.15%
Euro Stoxx	3674.50	-1.05%	3713.46	0.88%	-1.60%	1.55%

Phân tích kỹ thuật

BCG_Tích lũy

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tích lũy.
- Chỉ báo xu hướng MACD: Xuất hiện Golden Cross.
- Chỉ báo RSI: RSI ở trên giá trị 50 nhưng chưa đi vào vùng quá mua.
- Đường MA: EMA12 ở trên EMA26.

Nhận định: BCG đang ở trong trạng thái tích lũy tại khu vực 12-14.5 sau khi đã có giai đoạn tăng ấn tượng vào năm ngoái. Thanh khoản cổ phiếu hiện đang có chiều hướng tăng trở lại. Các chỉ báo xu hướng hiện đang ở trong trạng thái khả quan. Thêm vào đó chỉ báo động lượng RSI ở trên giá trị 50 nhưng chưa đi vào vùng quá mua cùng với đường MACD vừa cắt lên trên đường tín hiệu nên cổ phiếu có tiềm năng bứt phá tạo mức đỉnh mới. Ngưỡng hỗ trợ gần nhất của BCG nằm tại khu vực xung quanh 13. Mục tiêu chốt lãi của cổ phiếu nằm tại mức 19.5, cắt lỗ nếu ngưỡng 11.8 bị xuyên thủng.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

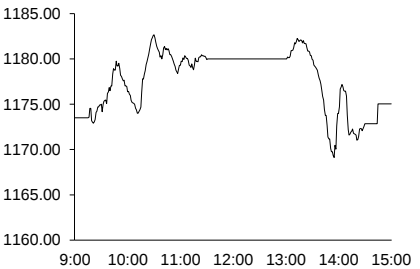
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Ô tô và phụ tùng	-1.15%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-1.00%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.65%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.62%
Thực phẩm và đồ uống	-0.52%
Hóa chất	-0.42%
Bán lẻ	-0.25%
Bảo hiểm	-0.19%
Ngân hàng	-0.17%
Viễn thông	0.00%
Dịch vụ tài chính	0.03%
Y tế	0.18%
Xây dựng và Vật liệu	0.31%
Tài nguyên Cơ bản	0.34%
Công nghệ Thông tin	0.45%
Du lịch và Giải trí	0.65%
Truyền thông	0.76%
Bất động sản	1.36%
Dầu khí	1.98%

Hình 1

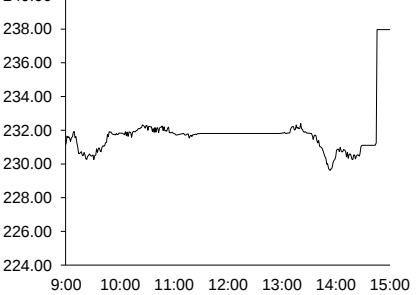
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
2/19/2021	HNG	12.5	14.5	11.5	12.1	3	-3.20%	Có thể giữ nguyên vị thế
2/18/2021	SSI	33.3	49.5	29.7	32.85	4	-1.35%	Có thể tiếp tục mua
2/17/2021	CCL	11.65	14.3	9.9	12.35	5	6.01%	Có thể tiếp tục mua
2/9/2021	REE	54	62.5	50	57	13	5.56%	Có thể tiếp tục mua
2/9/2021	KBC	38.6	46	35	40.9	13	5.96%	Có thể giữ nguyên vị thế
2/5/2021	VIB	35.4	43	32.8	37.7	17	6.50%	Có thể tiếp tục mua
2/4/2021	FPT	72.5	82	63.4	76.8	18	5.93%	Có thể tiếp tục mua
2/3/2021	NVL	83	97	73.9	80.8	19	-2.65%	Có thể giữ nguyên vị thế
2/2/2021	PC1	24.4	28.5	22	25.9	20	6.15%	Có thể tiếp tục mua
2/1/2021	DDG	31	34	29.4	31.1	21	0.32%	Có thể giữ nguyên vị thế
1/27/2021	VNP	9.6	11.3	8.1	9.5	26	-1.04%	Có thể tiếp tục mua
12/7/2020	HT1	16.95	20	15	17.65	77	4.13%	Có thể giữ nguyên vị thế

Chú thích:
 (*) Trạng thái kỹ thuật không tốt
 (**) Tiệm cận giá mục tiêu

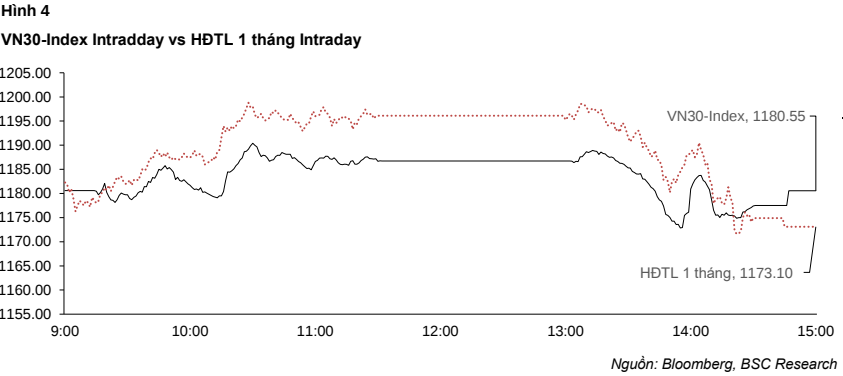
Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
1/29/2021	HPX	36.35	42.2	32	TP	20	16.09%
1/28/2021	GKM	18.1	19.8	17.3	TP	6	9.39%
1/26/2021	HBC	18.9	22.9	14.7	SL	7	-22.22%
1/25/2021	VSH	19.35	20.7	18.4	SL	3	-4.91%
1/22/2021	CSM	19.6	21.6	17.5	TP	4	10.20%
1/21/2021	HLD	27.5	30.3	25.4	SL	5	-7.64%
1/20/2021	PVT	17.3	22.5	15.4	SL	9	-10.98%
1/19/2021	VRC	11	13.4	8.9	SL	13	-19.09%
1/18/2021	PNJ	83.9	96.5	75.8	SL	11	-9.65%
1/15/2021	VCI	62.3	76.5	58	SL	5	-6.90%
1/14/2021	TCB	35.75	41.5	33.5	SL	6	-6.29%
1/13/2021	HVN	31.1	36	28	SL	7	-9.97%
1/12/2021	SAB	205.5	230	195.5	SL	7	-4.87%
1/11/2021	DRC	24.8	29	22.3	SL	9	-10.08%
1/8/2021	PTB	61.4	69.5	58	TP	18	13.19%

Chú thích:
 Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất
 TP - Đã chốt lời
 SL - Đã cắt lỗ
 FS - Đóng vị thế sớm

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Nắm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	8	4	5.07%	-2.06%	2.69%	20
Cổ phiếu đã chốt	109	55	13.07%	-8.14%	5.96%	29

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2103	1173.10	-0.42%	-7.45	9.1%	183,570	3/18/2021	26
VN30F2104	1175.40	-0.63%	-5.15	-4.8%	393	4/15/2021	54
VN30F2106	1180.50	-0.25%	-0.05	-37.2%	71	6/17/2021	117
VN30F2109	1180.00	-0.47%	-0.55	-4.6%	62	9/16/2021	208

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index giảm nhẹ -0.04 điểm, xuống 1180.55 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VHM, VPB, VNM, PNJ tác động mạnh đến vận động tích lũy của VN30. VN30 tăng tích cực đầu phiên sáng trước khi giành phần lớn thời gian giao dịch giằng co quanh quanh 1180 điểm. VN30 có thể tiếp tục vận động tích lũy quanh 1175-1185 điểm trong những phiên tiếp theo.
- Các HĐTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, VN30F2103 và VN30F2104 đang tăng, trong khi VN30F2106 và VN30F2109 đang giảm. Xét về vị thế mở, VN30F2103 và VN30F2109 đang tăng, trong khi VN30F2104 và VN30F2106 đang giảm. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 1190 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CVHM2008	6/11/2021	109	10:1	835,700	33.23%	1,400	2,610	7.41%	1,952	1.34	102,888	88,888	105,800
CVHM2009	4/1/2021	38	10:1	528,300	33.23%	1,400	3,530	6.65%	3,416	1.03	86,000	72,000	105,800
CHDB2007	4/27/2021	64	5:1	555,100	34.09%	1,300	3,100	3.33%	161	19.31	20,771	16,831	25,800
CFPT2011	4/1/2021	38	5:1	308,500	29.38%	1,700	5,890	2.43%	5,807	1.01	56,500	48,000	76,800
CVPB2012	4/1/2021	38	2:1	160,500	40.84%	2,000	9,140	2.12%	9,032	1.01	27,000	23,000	40,950
CHPG2022	5/4/2021	71	2:1	278,900	34.44%	2,100	9,000	0.11%	8,325	1.08	31,200	27,000	43,400
CHPG2015	3/1/2021	7	1:1	363,000	34.44%	6,700	26,810	0.04%	16,924	1.58	27,161	21,680	43,400
CHPG2020	6/30/2021	128	1:1	122,900	34.44%	5,700	18,700	0.00%	17,840	1.05	31,700	26,000	43,400
CTCB2013	5/4/2021	71	1:1	371,600	36.18%	4,700	15,890	-0.75%	15,812	1.00	27,700	23,000	38,600
CSTB2014	6/14/2021	112	1:1	574,200	41.85%	3,800	7,170	-0.83%	6,807	1.05	15,800	12,000	18,600
CTCB2010	4/1/2021	38	2:1	303,300	36.18%	2,000	8,550	-1.16%	8,603	0.99	25,500	21,500	38,600
CMBB2010	6/14/2021	112	1:1	413,700	34.21%	4,600	11,350	-1.73%	10,935	1.04	20,600	16,000	26,700
CMBB2011	3/12/2021	18	1:1	167,700	34.21%	3,800	10,840	-1.81%	10,737	1.01	19,800	16,000	26,700
CFPT2016	6/22/2021	120	5:1	378,200	29.38%	2,580	5,790	-1.86%	5,518	1.05	62,900	50,000	76,800
CMBB2009	4/1/2021	38	2:1	354,300	34.21%	1,700	5,920	-2.31%	3,897	1.52	22,400	19,000	26,700
CHPG2010	4/5/2021	42	4:1	437,800	34.44%	1,800	5,020	-3.28%	2,623	1.91	32,969	27,079	43,400
CVRE2014	5/4/2021	71	1:1	435,100	36.28%	4,600	7,460	-4.36%	7,077	1.05	32,100	27,500	34,150
CHPG2021	4/1/2021	38	2:1	151,500	34.44%	2,400	9,350	-6.50%	9,262	1.01	29,800	25,000	43,400
CSBT2007	4/27/2021	64	2:1	563,300	43.45%	1,700	3,500	-8.85%	3,091	1.13	18,788	15,495	22,000
Tổng				7,303,600	35.21%**								
Chú thích:			Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất					CR: Tỷ lệ chuyển đổi					
			Lãi suất phi rủi ro là 4.75%					Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn					
			**Trung bình độ lệch chuẩn					*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes					

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 22/02/2021, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch tăng.
- CVHM2102 tăng mạnh 10.41%. Trái lại, CVNM2015 và CTCB2102 giảm mạnh lần lượt là -29.52% và -10.00%. Giá trị giao dịch tăng 18.29%. CHPG2015 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 8.34% thị trường.
- CTCB2009, CVPB2013, CVPB2010, CFPT2013, và CMSN2010 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CMSN2012, CVPB2013, và CFPT2014 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CFPT2010, CMWG2013, và CMSN2010 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	137.0	-0.4%	1.0	2,776	5.9	8,654	15.8	4.0	49.0%	28.4%
PNJ	Bán lẻ	85.1	-2.1%	1.0	841	2.5	4,727	18.0	3.7	49.0%	21.8%
BVH	Bảo hiểm	61.1	-0.7%	1.5	1,972	1.6	2,087	29.3	2.3	28.0%	7.9%
PVI	Bảo hiểm	32.6	-0.3%	0.5	317	0.0	3,321	9.8	1.1	54.3%	10.8%
VIC	Bất động sản	109.7	0.6%	0.7	16,133	7.1	1,569	69.9	4.7	14.1%	6.7%
VRE	Bất động sản	34.2	-1.0%	1.1	3,374	1.0	1,048	32.6	2.6	31.1%	8.5%
VHM	Bất động sản	105.8	2.6%	1.1	15,132	20.1	8,463	12.5	4.0	22.4%	39.1%
DXG	Bất động sản	24.9	3.1%	1.3	561	9.0	(833)		2.1	35.1%	-6.5%
SSI	Chứng khoán	32.9	-0.9%	1.4	856	19.4	2,093	15.7	2.0	44.2%	13.1%
VCI	Chứng khoán	55.0	-1.4%	1.0	396	2.5	4,662	11.8	2.0	27.9%	17.9%
HCM	Chứng khoán	29.3	0.9%	1.5	389	6.1	1,738	16.9	2.0	47.3%	12.1%
FPT	Công nghệ	76.8	0.3%	0.9	2,618	7.7	4,122	18.6	3.8	49.0%	23.8%
FOX	Công nghệ	64.7	-0.5%	0.4	770	0.0	4,812	13.4	3.4	0.0%	28.3%
GAS	Dầu khí	88.2	-0.8%	1.4	7,340	4.4	4,038	21.8	3.5	2.8%	16.1%
PLX	Dầu khí	57.2	1.8%	1.5	3,031	5.3	631	90.6	3.3	15.3%	4.4%
PVS	Dầu khí	21.7	2.8%	1.6	451	13.7	1,357	16.0	0.9	10.3%	5.4%
BSR	Dầu khí	12.2	0.8%	0.8	1,645	5.6	898	13.6	1.1	41.1%	8.5%
DHG	Dược	100.5	0.2%	0.3	571	0.0	5,443	18.5	3.7	54.6%	20.5%
DPM	Hóa chất	17.4	-0.6%	0.7	295	1.5	1,663	10.4	0.8	12.5%	8.6%
DCM	Hóa chất	13.8	0.0%	0.6	318	1.8	1,030	13.4	1.2	2.4%	8.8%
VCB	Ngân hàng	100.6	-0.7%	1.1	16,222	6.1	4,974	20.2	3.8	23.7%	20.5%
BID	Ngân hàng	43.8	-0.8%	1.3	7,651	2.9	1,775	24.7	2.3	17.3%	9.4%
CTG	Ngân hàng	37.0	0.0%	1.4	5,990	18.5	3,674	10.1	1.6	28.6%	16.9%
VPB	Ngân hàng	41.0	0.9%	1.2	4,371	8.7	4,271	9.6	1.9	23.4%	21.9%
MBB	Ngân hàng	26.7	-0.6%	1.2	3,249	23.0	2,965	9.0	1.6	23.1%	19.2%
ACB	Ngân hàng	31.6	1.6%	1.0	2,970	17.4	3,557	8.9	1.9	30.0%	24.3%
BMP	Nhựa	63.4	-0.9%	0.7	226	0.6	6,386	9.9	2.1	81.9%	21.2%
NTP	Nhựa	36.1	-1.1%	0.5	185	0.0	3,797	9.5	1.6	19.0%	17.3%
MSR	Tài nguyên	20.9	-1.9%	0.7	999	0.9	356	58.7	1.7	10.1%	2.9%
HPG	Thép	43.4	-0.1%	1.1	6,252	40.5	4,056	10.7	2.4	30.9%	25.2%
HSG	Thép	25.8	2.4%	1.3	497	15.8	3,387	7.6	1.6	10.2%	24.3%
VNM	Tiêu dùng	107.5	-0.5%	0.7	9,768	14.1	4,770	22.5	7.2	57.8%	33.9%
SAB	Tiêu dùng	190.0	-0.9%	0.8	5,298	0.8	7,064	26.9	6.1	63.1%	24.4%
MSN	Tiêu dùng	94.6	-0.3%	0.9	4,832	4.9	1,054	89.8	7.0	32.5%	4.2%
SBT	Tiêu dùng	22.0	-3.7%	1.2	590	4.7	946	23.3	1.7	7.9%	7.4%
ACV	Vận tải	74.1	2.1%	0.8	7,014	0.9	3,450	21.5	4.4	3.4%	22.3%
VJC	Vận tải	131.6	-0.2%	1.1	2,997	3.3	132		4.6	19.0%	0.5%
HVN	Vận tải	27.5	2.2%	1.7	1,696	1.5	(7,647)		6.1	9.2%	-88.4%
GMD	Vận tải	33.4	-0.3%	1.0	438	3.0	1,133	29.5	1.7	38.3%	5.7%
PVT	Vận tải	17.5	0.6%	1.3	246	5.3	1,953	9.0	1.2	13.0%	13.7%
VCS	Vật liệu xây dựng	82.7	1.1%	1.0	575	1.2	8,545	9.7	3.4	3.5%	39.1%
VGC	Vật liệu xây dựng	36.0	-1.4%	0.4	702	1.1	1,323	27.2	2.5	6.7%	9.3%
HT1	Vật liệu xây dựng	17.7	1.4%	0.9	293	1.3	1,613	10.9	1.2	5.8%	11.5%
CTD	Xây dựng	75.8	4.0%	1.0	245	4.7	5,769	13.1	0.7	45.4%	5.2%
CII	Xây dựng	22.2	1.8%	0.4	231	3.1	1,187	18.7	1.1	31.2%	5.8%
REE	Điện	57.0	-2.7%	-1.4	766	2.6	5,249	10.9	1.5	49.0%	14.9%
PC1	Điện	25.9	-3.0%	-0.4	215	1.2	2,642	9.8	1.2	13.1%	13.6%
POW	Điện	12.9	-1.1%	0.6	1,313	5.3	938	13.8	1.1	7.9%	7.9%
NT2	Điện	23.0	-0.2%	0.5	287	0.5	2,095	11.0	1.5	17.4%	14.3%
KBC	Khu công nghiệp	40.9	-1.7%	1.1	835	10.7	363	112.5	2.0	21.4%	1.8%
BCM	Khu công nghiệp	61.0	0%	1.0	2,745	0.3			4.1	2.0%	

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VHM	105.80	2.62	2.42	4.39MLN
VIC	109.70	0.64	0.63	1.48MLN
PLX	57.20	1.78	0.35	2.13MLN
ACB	31.60	1.61	0.29	12.59MLN
VPB	40.95	0.86	0.23	4.89MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
VCB	0.00	-0.69	1.39MLN	1.11MLN
BID	0.00	-0.38	1.52MLN	607060
GAS	0.00	-0.36	1.16MLN	373600
SAB	0.00	-0.29	101100	192700
VNM	0.00	-0.28	3.01MLN	611640

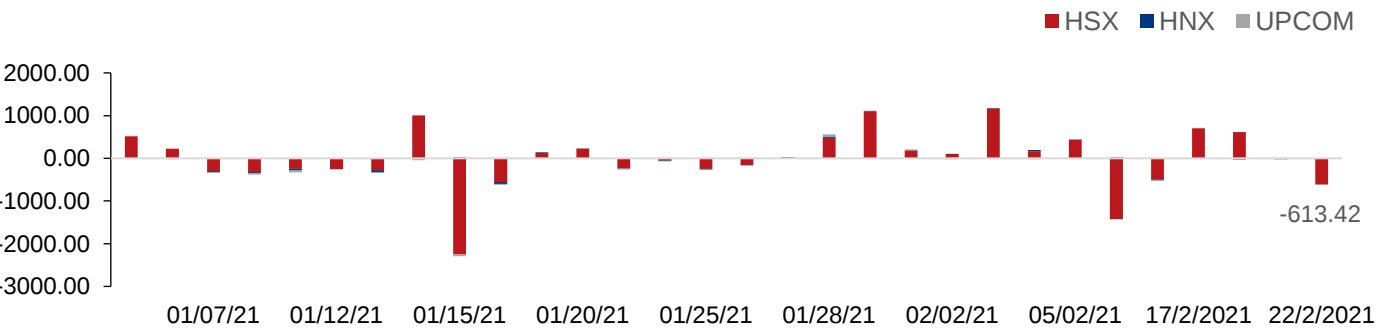
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
GDT	42.80	7.00	0.01	86000.00
VIX	29.85	6.99	0.07	6.57MLN
BMC	14.55	6.99	0.00	281300
HU1	8.90	6.97	0.00	3900
QCG	8.78	6.94	0.04	558600

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
EVG	9.20	-6.98	-0.01	354300
SMA	8.36	-6.90	0.00	100
LSS	11.20	-6.67	-0.02	1.69MLN
KPF	11.30	-6.61	0.00	13700
L10	17.00	-6.34	0.00	600

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	AAA	Nhựa	Theo dõi	26/2/20	12.6	15.0	14.4	1,390	10.4	0.9	Click
2	ACB	Ngân hàng	Mua	7/5/20	20.3	27.0	31.6	3,557	8.9	1.9	Click
3	ACV	Vận tải	Mua	13/11/20	68.2	87.6	74.1	3,450	21.5	4.4	Click
4	CSV	Hóa chất	Theo dõi	13/5/20	20.6	N/a	29.7	4,065	7.3	1.3	Click
5	CTG	Ngân hàng	Mua	17/9/20	25.6	30.0	37.0	3,674	10.1	1.6	Click
6	DBC	Thực phẩm	Mua	8/6/20	54.0	71.3	53.5	13,724	3.9	1.3	Click
7	DGC	Hóa chất	Theo dõi	2/12/20	47.1	55.0	58.8	5,729	10.3	2.2	Click
8	DGW	Bán lẻ	Mua	13/5/20	26.9	32.1	93.2	5,923	15.7	3.5	Click
10	DPM	Hóa chất	Theo dõi	21/9/20	16.9	18.4	17.4	1,663	10.4	0.8	Click
11	DRC	Cao su	Mua	20/2/20	23.3	28.8	28.5	2,160	13.2	2.0	Click
12	DXG	Bất động sản	Mua	12/11/20	12.7	17.3	24.9	-833		2.1	Click
13	FPT	Viễn thông	Mua	28/9/20	50.3	63.6	76.8	4,122	18.6	3.8	Click
14	GMD	Vận tải	Mua	17/3/20	16.4	27.2	33.4	1,133	29.5	1.7	Click
15	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/20	27.3	N/a	42.0	6,277	6.7	2.0	Click
16	HPG	VLXD	Mua	9/11/20	30.3	41.0	43.4	4,056	10.7	2.4	Click
17	HSG	VLXD	Theo dõi	30/9/20	15.2	15.8	25.8	3,387	7.6	1.6	Click
18	HT1	VLXD	Mua	19/11/20	17.4	19.8	17.7	1,613	10.9	1.2	Click
19	KBC	Bất động sản	Mua	28/8/20	13.5	17.1	40.9	363	112.5	2.0	Click
20	KDH	Bất động sản	Mua	12/8/20	24.2	31.3	33.9	2,043	16.6	2.3	Click
21	LPB	Ngân hàng	Mua	11/11/20	11.8	14.5	14.7			1.1	Click
22	MPC	Thủy sản	Theo dõi	15/9/20	29.1	33.5	35.5	2,528	14.0	1.4	Click
23	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/20	63.9	70.8	94.6	1,054	89.8	7.0	Click
24	MWG	Bán lẻ	Mua	28/12/20	117.3	168.8	137.0	8,654	15.8	4.0	Click
25	NLG	Bất động sản	Mua	24/6/20	25.0	34.6	36.0	2,975	12.1	1.7	Click
27	PHR	Cao su	Mua	20/4/20	43.7	51.8	62.0	7,700	8.1	2.6	Click
28	PLC	Dầu khí	Mua	11/11/20	24.5	34.7	26.9	1,842	14.6	1.7	Click
29	PNJ	Tiêu dùng	Mua	30/10/20	69.5	80.0	85.1	4,727	18.0	3.7	Click
30	POW	Điện	Mua	16/11/20	10.0	12.0	12.9	938	13.8	1.1	Click
31	PVD	Dầu khí	Theo dõi	1/9/20	11.4	13.5	23.3	0	82.1	0.7	Click
32	PVS	Dầu khí	Mua	18/11/20	15.6	18.3	21.7	1,357	16.0	0.9	Click
35	SAB	Tiêu dùng	Theo dõi	17/9/20	188.2	193.3	190.0	7,064	26.9	6.1	Click
36	SBT	Đường	Theo dõi	14/10/20	16.4	18.6	22.0	946	23.3	1.7	Click
38	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	20/5/20	21.3	25.0	38.6	3,521	11.0	1.8	Click
39	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	11/9/20	82.5	90.0	100.6	4,974	20.2	3.8	Click
40	VEA	Vận tải	Theo dõi	18/9/20	44.9	46.6	44.6	4,239	10.5	2.2	Click
41	VGT	Dệt may	N.A	19/8/20	7.3	N.A	18.8	563	33.4	1.5	Click
42	VHC	Thủy sản	Theo dõi	18/8/20	36.7	39.0	39.6	3,873	10.2	1.4	Click
43	VNM	Tiêu dùng	Mua	27/8/20	117.1	122.1	107.5	4,770	22.5	7.2	Click
44	VHM	Bất động sản	Mua	30/11/20	82.6	102.4	105.8	8,463	12.5	4.0	Click
45	GVR	Khu công nghiệp	Mua	9/12/20	20.1	23.6	28.0	1,071	26.1	2.4	Click
46	C4G	Xây dựng	Mua	14/12/20	10.2	12.9	10.8	927	11.7	0.9	Click
47	GE2	Điện	Mua	20/1/20		25.5					Click
48	PRE	Bảo hiểm	Mua	25/12/20	19.9	22.0					Click
48	SCS	Hàng Không	Theo dõi	4/1/20	128.5	140.0	129.6	9,180	14.1	7.0	Click
49	VPB	Ngân hàng	Mua	29/12/20	33.0	40.0	41.0	4,271	9.6	1.9	Click
50	VRE	Bất động sản	Mua	19/10/20	27.6	36.7	34.2	1,048	32.6	2.6	Click
51	VTP	Viễn thông	Mua	19/5/20	125.0	145.9	97.6	4,105	23.8	8.4	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
2	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
3	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
4	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
5	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
6	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
7	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
8	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
9	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click
10	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		x	Click
11	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		x	Click
12	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
13	Bầu cử Hoa Kỳ 2020	x		Click
14	Fishery Outlook 2021		x	Click
15	Cơ hội thu hút dòng tiền của Việt Nam sau MSCI Review	x		Click
16	Báo cáo Triển vọng ngành thép 2020		x	Click
17	Vĩ mô Thị trường quý 3.2020	x		Click
18	Vĩ Mô Thị trường tháng 8.2020	x		Click
19	Chemical sector Outlook 2H.2020		x	Click
20	Banking sector Outlook 2H.2020		x	Click
21	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	x		Click
22	BSC_Vietnam Sector Outlook_3Q2020		x	Click
23	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 7.2020	x		Click
24	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	x		Click
25	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	x		Click
26	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	x		Click
27	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020		x	Click
28	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	x		Click
29	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	x		Click
30	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 2.2020	x		Click
31	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	x		Click
32	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector		x	Click
33	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona)	x		Click
34	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 1.2020	x		Click
35	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020		x	Click
36	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	x		Click
37	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN		x	Click
38	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	x		Click
39	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 11.2019	x		Click
40	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	x		Click



BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây

[Link](#)

[Link](#)

Bản công bố rủi ro

[Link](#)

Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express SBT 2020Q4	29/10/20	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 18600 ; Giá tại Publish 14500 Dự báo KQKD: Chúng tôi dự báo KQKD SBT ND 2020/21 sẽ đạt DTT và LNST lần lượt là 14,682 tỷ đồng (+13.6% YoY) và LNST là 448 tỷ đồng (+24% YoY), tương đương EPS fw là 738 đồng/cp – PE fw là 19x và PB fw là 1x. Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 79390 ; Giá tại Publish 66000
Express PNJ 2020Q4	22/10/20	Dự báo KQKD: 2020: DTT và LNST đạt lần lượt là 15,995 tỷ đồng (-6.7% YoY) và 917 tỷ đồng (-23% YoY), tương đương EPS fw 2020 là 4,030 đ/cp, PE fw = 16.5x và PB fw = 3x. 2021: DTT và LNST ước tính lần lượt 17,934 tỷ đồng (+12.1% YoY) và 1,024 tỷ đồng (+11.6% YoY) tương đương EPS 2021 fw = 4,478 đ/cp, PE Fw = 14.7x và PB fw = 2.7x. Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 15000 ; Giá tại Publish 11150
Express DXG 2020Q4	8/10/20	Cập nhật KQKD: BSC điều chỉnh dự báo kết quả kinh doanh năm 2020 của DXG với doanh thu và lợi nhuận sau thuế công ty mẹ 2020 ước tính lần lượt khoảng 3,730 tỷ đồng (-29.6% YoY) và 350 tỷ đồng (-71% YoY) do ảnh hưởng từ dịch Covid-19 đến mảng dịch vụ và trích lập dự phòng lỗ 526 tỷ từ việc thoái vốn LDG dựa trên giả định bàn giao khoảng 750 sản phẩm Gem Sky World trong Q4/2020. EPS 2020 = 635 đồng/cp. PE 2020FW = 17.2 lần

Room tư vấn Skype



Room tư vấn Zalo



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639